TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HD** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05a/2024/KDTM-ST
Ngày 24-9-2024
Về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HD, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Anh Đông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Khỏe và bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Phạm Minh Việt - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2024/TLST-KDTM ngày 06/5/2024 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-KDTM ngày 06/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao AC;

Địa chỉ: Khu công nghiệp kỹ thuật cao APh, km 47, quốc lộ 5, phường VH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Kh – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Cao Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr, bà Phạm Thị D (Theo Giấy ủy quyền số 01/2024/GUQ-ACP ngày 15/3/2024).

- Bị đơn: Công ty cổ phần E;

Địa chỉ: 114-116-118 Bùi Trang Ch, phường HX, quận CL, thành phố ĐN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Ngọc Q – Giám đốc.

(Tại phiên tòa có mặt bà D, ông Tr)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao AC (sau đây gọi là "Công ty AC") được thành lập năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 23/3/2023 do phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần. Việc kinh doanh của công ty nhằm mục đích lợi nhuận.

Công ty AC có ký kết Hợp đồng tổng kho phân phối khu vực miền Trung số 01/07/2019/HĐPP/ACP-TBD ngày 01/07/2019 với Công ty TNHH Xây Dựng Thương mại Dịch vụ Trang trí STh (nay là Công ty Cổ phần E). Theo nội dung của hợp đồng, Công ty E làm Tổng kho phân phối các sản phẩm mang thương hiệu A do Công ty AC phân phối tại địa bàn các tỉnh từ Quảng Bình đến Phú Yên và các địa bàn khác của Tổng kho phân phối. Về giá sản phẩm, phương thức giao nhận hàng, phương thức thanh toán, điều kiện tổng kho phân phối…được quy định cụ thể tại Hợp đồng nêu trên. Công ty AC sản xuất và giao sản phẩm A (gồm tấm nhựa, ốp tường, sàn tường, trần nhựa,...) theo đơn đặt hàng và Công ty E có trách nhiệm thanh toán và phân phối các mặt hàng tại địa bàn đã đăng ký phụ trách. Mỗi đơn hàng Công ty E phải thanh toán trước tối thiểu 50% giá trị, hạn mức công nợ tối đa không quá 1 tỷ đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ năm 2019 đến khoảng đầu năm 2023 thì Công ty E không đạt được doanh thu bán hàng như thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ thanh toán đơn hàng.

Ngày 16/3/2023, Công ty E có công văn số 1503/CV-ECODECOR gửi Công ty AC về việc thanh toán công nợ, theo đó xác nhận số công nợ cũ theo Hợp đồng Tổng kho Miền Trung tính đến ngày 16/3/2023 là 814.661.175 đồng và đưa ra cam kết trả nợ theo phương án trả 50.000.000 đồng/tháng từ tháng 4 năm 2023 đến khi hết công nợ. Tuy nhiên Công ty E không thực hiện trả nợ theo như nội dung đã cam kết, vì vậy Công ty AC đã thỏa thuận và thu hồi những hàng hóa còn lại chưa bán được để trừ vào công nợ của Công ty E, tổng giá trị là 254.339.308 đồng. Đến nay Công ty E còn nợ lại Công ty AC số tiền nợ gốc là 560.321.867 đồng. Mặc dù Công ty AC đã nhiều lần có công văn đề nghị Công ty E thanh toán số tiền hàng còn nợ lại nhưng Công ty E không có bất kỳ phản hồi nào. Do vậy, tại đơn khởi kiện Công ty AC khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty E phải thanh toán cho Công ty AC số tiền mua hàng còn nợ là 560.321.867 đồng và lãi suất chậm trả tạm tính đến ngày 21/3/2024 số tiền là: 47.395.503 đồng. Tuy nhiên hiện nay công ty E đang gặp khó khăn nên Công ty AC chỉ yêu cầu Công ty E thanh toán số tiền nợ gốc, không yêu cầu bất kỳ khoản tiền lãi nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố HD đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng đại diện phía bị đơn Công ty E không đến Tòa án làm việc.

Theo Bản tự khai và các tài liệu khác bị đơn gửi đến Tòa án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, không có ý kiến thắc mắc gì. Đại diện của Công ty E thống nhất với lời trình bày của đại diện Công ty AC về việc giữa hai công ty có ký kết hợp đồng tổng kho phân phối khu vực miền Trung số 01/07/2019/HĐPP/ACP-TBD ngày 01/07/2019. Lý do đến nay Công ty E chưa thanh toán nốt số tiền mua hàng còn nợ lại cho Công ty AC là do trong mấy năm qua Công ty E làm ăn khó khăn, ít đơn đặt hàng vì vậy công ty chưa có khả năng thanh toán. Quan điểm của Công ty E xác định còn nợ lại Công ty AC số tiền mua hàng là 560.321.867 đồng và có nghĩa vụ thanh toán hết nợ cho Công ty AC; về tiền lãi đề nghị giải quyết theo quy định. Bị đơn ở xa, đi lại khó khăn nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán số tiền mua hàng còn nợ lại là 560.321.867 đồng và không yêu cầu đối với lãi phát sinh.

Đại diện VKSND thành phố HD phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX), nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50, 306 Luật thương mại năm 2005; Luật phí, lệ phí. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao AC đối với Công ty cổ phần E: Buộc Công ty E phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty AC số tiền mua hàng còn nợ lại là: 560.321.867 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo hợp đồng số 01/07/2019/HĐPP/ACP-TBD giữa Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao AC và Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ trang trí sinh thái (nay là Công ty cổ phần E), các bên đã thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố

HD là nơi có trụ sở của Nguyên đơn để giải quyết nếu có tranh chấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố HD theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn. Tuy nhiên, Bị đơn đã có quan điểm và đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[1.3]. Hợp đồng số 01/07/2019/HĐPP/ACP-TBD giữa, Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao AC và Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ trang trí sinh thái (nay là Công ty cổ phần E) được giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với các bên. Mặc dù, tên gọi là Hợp đồng tổng kho phân phối khu vực miền trung (phân phối từ tỉnh Quảng Bình đến tỉnh Phú Yên), nhưng nội dung thỏa thuận thể hiện đây là hợp đồng mua bán hàng hóa có điều kiện (bán tại địa điểm nhất định - khu vực miền trung với thời gian cam kết cụ thể (trong thời gian 05 năm...), các thỏa thuận về việc giao hàng nhận hàng, bảo quản hàng hóa và chịu rủi ro đối với hàng hóa đã mua, đổi hàng, giá hàng hóa, thanh toán tiền hàng các điều khoản của hợp đồng phù hợp với các quy định của Luật Thương mại năm 2005 về Hợp đồng mua bán hàng hóa. Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và hoạt động vì mục đích lợi nhuận nên xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4]. Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc còn nợ là 560.321.867 đồng và tiền lãi suất phát sinh do nợ quá hạn. Tại buổi hòa giải, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ lại, không yêu cầu bất kỳ số tiền lãi suất phát sinh nào. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện, có lợi hơn cho bị đơn nên được HĐXX chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

- Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 560.321.867 đồng phát sinh trong quá trình mua bán, phân phối hàng hóa của nguyên đơn thấy việc phân phối hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn đã được ký kết theo Hợp đồng tổng kho phân phối khu vực miền Trung số 01/07/2019/HĐPP/ACP-TBD ngày 01/07/2019. Theo công văn công văn số 1503/CV-ECODECOR về việc thanh toán công nợ ngày 16/03/2023 thì Bị đơn xác định còn nợ nguyên đơn số tiền 814.661.175 đồng, sau đó nguyên đơn đã thu hồi hàng hóa của bị đơn để trừ vào công nợ, tổng giá trị 254.339.308 đồng. Như vậy số tiền còn nợ lại 560.321.867 đồng đến nay bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Do làm ăn khó khăn nên đến nay bị đơn vẫn nợ nguyên đơn số tiền nêu trên. Bị đơn xác nhận những nội dung mà nguyên đơn trình bày, thống nhất xác nhận số nợ còn lại chưa thanh toán là 560.321.867 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Hợp đồng tổng kho ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc tính đến thời điểm Tòa án xét xử là 560.321.867 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật thương mại nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên.

- Đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả của nguyên đơn: Do nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu về lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]Về án phí: Bị đơn phải thanh toán tiền cho nguyên đơn nên phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TAND Tối cao; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao AC đối với Công ty cổ phần E.

1. Buộc Công ty cổ phần E phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao AC số tiền hàng còn nợ lại là: 560.321.867 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng). Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không buộc bị đơn phải thanh toán trả lãi suất từ khoản nợ gốc.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Công ty cổ phần E phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 26.412.875 đồng. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 14.154.000đ cho Công ty Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao AC theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003103 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HD.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố HD;
- Chi cục THADS TP HD;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Anh Đông